

Số: 626 /QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kết quả thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đạt trình độ B1
theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)
Tương đương Bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ “Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam” ban hành kèm theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 22 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại.

Căn cứ kết quả thi đánh giá năng lực Tiếng Anh theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam kỳ thi ngày 13 tháng 04 năm 2025,

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đạt trình độ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cho 80 thí sinh dự thi kỳ thi ngày 13 tháng 04 năm 2025 tại Trường Đại học Thương mại.
(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp; Trưởng các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để quản lý và chỉ đạo);
- Như điều 2;
- Lưu: VT, TT NC&ĐT KNNN.

KT. CHỦ TỊCH HĐT - HIỆU TRƯỞNG
PHÓ CHỦ TỊCH HĐT - PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Đức Nhuận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐẠT TRÌNH ĐỘ B1 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU (CEFR)
TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3/6 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 626./QĐ-ĐHTM, ngày 17 tháng 04 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Nghe	Đọc	Viết	Nói	Điểm thi	Kết quả
1	NN25.04.0001	Đặng Quỳnh Anh	06/11/1994	Hải Dương	6.5	6.0	6.5	8.0	7.0	Đạt
2	NN25.04.0002	Lại Thị Kim Anh	20/08/1995	Ninh Bình	3.5	5.5	4.5	6.0	5.0	Đạt
3	NN25.04.0004	Nguyễn Tuệ Anh	21/10/2002	Hải Phòng	8.5	7.0	7.5	8.0	8.0	Đạt
4	NN25.04.0005	Phạm Thị Kim Anh	11/05/1997	Tuyên Quang	3.0	6.0	5.0	6.0	5.0	Đạt
5	NN25.04.0006	Phùng Việt Anh	10/10/2002	Hà Nội	6.5	6.0	5.0	6.0	6.0	Đạt
6	NN25.04.0007	Vũ Kim Anh	04/12/2000	Hải Dương	3.5	4.0	5.5	5.0	4.5	Đạt
7	NN25.04.0008	Dương Thị Ngọc Ánh	25/10/1989	Vĩnh Phúc	4.5	6.0	6.5	6.5	6.0	Đạt
8	NN25.04.0009	Đinh Thúy Bình	28/04/2002	Hà Nội	8.0	8.0	7.5	9.0	8.0	Đạt
9	NN25.04.0010	Vũ Thị Quỳnh Chiên	02/02/1990	Hải Dương	6.0	7.0	6.5	4.5	6.0	Đạt
10	NN25.04.0011	Nguyễn Lê Cường	28/12/1994	Thanh Hóa	5.0	7.5	5.5	5.0	6.0	Đạt
11	NN25.04.0012	Nguyễn Thùy Dung	25/03/1994	Lào Cai	6.0	6.0	6.0	5.5	6.0	Đạt
12	NN25.04.0013	Nguyễn Thị Hà	27/03/2003	Hà Nội	4.5	6.0	6.5	8.0	6.5	Đạt
13	NN25.04.0014	Vũ Thị Thái Hà	13/08/1993	Hải Phòng	8.0	7.5	7.0	8.0	7.5	Đạt
14	NN25.04.0015	Nguyễn Thị Hải	14/04/1992	Sơn La	6.0	5.5	5.5	7.0	6.0	Đạt
15	NN25.04.0016	Cao Thị Thúy Hằng	26/08/1998	Thái Bình	5.0	5.0	6.5	7.0	6.0	Đạt
16	NN25.04.0017	Hoàng Thanh Hằng	17/11/1995	Hà Nội	7.0	7.5	5.5	5.0	6.5	Đạt
17	NN25.04.0019	Nguyễn Thị Hằng	06/10/1984	Hải Dương	6.5	5.0	7.5	6.5	6.5	Đạt
18	NN25.04.0020	Nguyễn Đức Hậu	01/06/2001	Hung Yên	6.5	4.5	6.0	4.0	5.5	Đạt
19	NN25.04.0021	Ngô Thu Hiền	15/07/2000	Tuyên Quang	6.5	5.0	5.5	6.0	6.0	Đạt
20	NN25.04.0022	Nguyễn Thu Hiền	09/08/1981	Hà Nội	8.5	7.5	6.0	7.0	7.5	Đạt
21	NN25.04.0023	Đinh Quang Hiếu	28/08/2000	Hải Dương	8.5	7.0	6.0	7.0	7.0	Đạt
22	NN25.04.0024	Nguyễn Thanh Hoa	22/04/1982	Bắc Giang	8.5	7.5	6.0	7.0	7.5	Đạt
23	NN25.04.0025	Phạm Thị Hòa	10/04/1987	Hung Yên	6.5	5.0	7.0	8.0	6.5	Đạt
24	NN25.04.0026	Nguyễn Thị Thu Hương	26/04/1985	Vĩnh Phúc	6.5	5.0	5.5	2.0	5.0	Đạt
25	NN25.04.0027	Phan Thị Hương	15/10/1999	Bắc Ninh	6.5	5.0	6.5	7.0	6.5	Đạt
26	NN25.04.0028	Hoàng Thu Hường	14/09/2002	Hà Nam	6.5	5.0	7.5	6.5	6.5	Đạt
27	NN25.04.0029	Phạm Văn Khương	15/05/2000	Hung Yên	4.5	4.0	6.0	4.0	4.5	Đạt
28	NN25.04.0030	Đoàn Thị Hoài Liên	16/05/1987	Hà Tĩnh	8.5	7.0	7.5	8.0	8.0	Đạt
29	NN25.04.0031	Trịnh Thúy Liên	19/07/1982	Hải Dương	3.0	5.0	4.0	3.0	4.0	Đạt
30	NN25.04.0032	Tạ Quang Lộc	14/12/1999	Gia Lai	3.5	4.5	6.0	6.5	5.0	Đạt
31	NN25.04.0033	Vũ Thị Lụa	03/11/1999	Nam Định	4.0	6.0	6.0	5.0	5.5	Đạt
32	NN25.04.0034	Nguyễn Đình Lực	27/07/2002	Hà Nội	4.5	5.5	5.5	5.0	5.0	Đạt
33	NN25.04.0035	Lê Hương Ly	24/11/1999	Hà Nội	5.0	6.0	7.5	8.0	6.5	Đạt
34	NN25.04.0036	Phạm Thị Phương Ly	16/06/2001	Ninh Bình	5.5	5.5	7.0	6.0	6.0	Đạt
35	NN25.04.0037	Lê Thị Lý	27/03/1994	Thái Bình	5.5	5.5	6.5	3.5	5.5	Đạt
36	NN25.04.0038	Nguyễn Đức Minh	26/07/1990	Thái Bình	5.0	5.5	6.5	5.5	5.5	Đạt
37	NN25.04.0039	Đào Thị Hà My	15/08/1996	Bắc Giang	4.5	5.5	6.5	5.0	5.5	Đạt
38	NN25.04.0040	Phạm Thị Nhị	20/08/1986	Thanh Hóa	4.5	5.5	5.5	4.0	5.0	Đạt
39	NN25.04.0041	Nguyễn Thị Hà Như	13/09/1991	Hung Yên	4.5	6.5	6.5	7.5	6.5	Đạt
40	NN25.04.0042	Đỗ Thị Nhung	10/10/2001	Ninh Bình	7.0	7.0	7.5	6.5	7.0	Đạt
41	NN25.04.0043	Hoàng Minh Tâm	13/04/2002	Hải Phòng	4.5	5.5	7.5	5.0	5.5	Đạt
42	NN25.04.0044	Nguyễn Thanh Tâm	02/09/1990	Thanh Hóa	4.0	5.0	6.0	6.0	5.5	Đạt

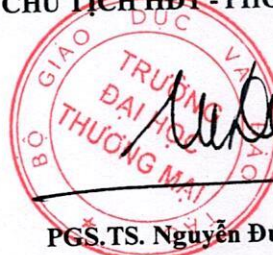
10
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
NG M

rw

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Nghe	Đọc	Viết	Nói	Điểm thi	Kết quả
43	NN25.04.0045	Nguyễn Thị Thanh Tâm	11/11/1990	Hà Nội	6.5	6.0	7.0	4.5	6.0	Đạt
44	NN25.04.0046	Nguyễn Đình Thái	18/10/1986	Thanh Hóa	6.5	6.5	7.0	8.0	7.0	Đạt
45	NN25.04.0047	Trần Thị Phương Thảo	03/02/1988	Nam Định	5.0	6.0	7.0	7.0	6.5	Đạt
46	NN25.04.0048	Hồ Diên Thông	24/06/2003	Nghệ An	5.0	4.5	5.5	6.0	5.5	Đạt
47	NN25.04.0049	Lê Thị Hiền Trang	18/07/2003	Hà Nội	6.5	6.5	7.5	5.5	6.5	Đạt
48	NN25.04.0050	Nguyễn Thị Trang	31/10/2000	Hà Nội	6.5	6.5	6.5	4.0	6.0	Đạt
49	NN25.04.0051	Lưu Văn Trung	15/09/1989	Hà Nội	6.5	6.5	5.5	5.0	6.0	Đạt
50	NN25.04.0052	Lê Hoàng Tuấn	04/05/1994	Hà Nội	6.5	6.5	6.0	7.0	6.5	Đạt
51	NN25.04.0053	Nguyễn Anh Tuấn	10/09/1993	Hà Nội	6.5	6.5	6.5	5.0	6.0	Đạt
52	NN25.04.0054	Nguyễn Tổ Uyên	25/07/2002	Hà Nội	4.5	4.0	7.0	6.0	5.5	Đạt
53	NN25.04.0055	Đào Thị Vân	04/11/1993	Thái Bình	4.5	5.5	7.5	6.5	6.0	Đạt
54	NN25.04.0056	Tổng Văn Vang	15/09/1988	Thanh Hóa	6.5	6.5	4.5	4.0	5.5	Đạt
55	NN25.04.0057	Nguyễn Thị Vượng	27/07/1989	Hà Nội	6.5	6.5	4.5	4.0	5.5	Đạt
56	NN25.04.0058	Nguyễn Thị Ngọc Anh	27/09/1990	Thanh Hóa	3.0	4.0	5.0	5.0	4.5	Đạt
57	NN25.04.0059	Nguyễn Minh Châu	26/06/1987	Vĩnh Phúc	3.5	4.0	5.5	4.0	4.5	Đạt
58	NN25.04.0060	Hồ Thị Thu Hà	26/05/1977	Hà Nội	6.5	6.0	7.0	7.0	6.5	Đạt
59	NN25.04.0061	Chu Thị Thu Hằng	16/04/1983	Hà Nội	4.5	4.0	5.5	5.0	5.0	Đạt
60	NN25.04.0062	Nguyễn Thu Hiền	17/05/1973	Hà Nội	5.5	7.0	4.0	5.0	5.5	Đạt
61	NN25.04.0063	Trần Trung Hiếu	05/04/1985	Hà Nội	6.0	7.0	6.5	7.0	6.5	Đạt
62	NN25.04.0064	Trần Văn Hiếu	22/09/1985	Vĩnh Phúc	3.5	4.5	6.0	7.0	5.5	Đạt
63	NN25.04.0065	Lý Trần Hoàng	26/05/1990	Bắc Giang	3.5	4.0	6.5	5.0	5.0	Đạt
64	NN25.04.0066	Nguyễn Huy Hoàng	22/01/1982	Nam Định	5.0	5.0	5.5	5.0	5.0	Đạt
65	NN25.04.0067	Vương Mạnh Hoàng	24/08/1985	Hà Nội	5.5	4.5	6.5	7.0	6.0	Đạt
66	NN25.04.0068	Nguyễn Thanh Hùng	28/05/1985	Nam Định	5.0	6.5	5.0	5.0	5.5	Đạt
67	NN25.04.0069	Đỗ Thị Lan Hương	08/11/1975	Thanh Hóa	3.0	4.0	5.0	4.0	4.0	Đạt
68	NN25.04.0070	Trác Hoàng Long	30/06/1988	Hà Tĩnh	4.5	5.0	6.5	6.0	5.5	Đạt
69	NN25.04.0071	Trần Hoàng Minh	11/08/1994	Bắc Ninh	5.0	4.5	6.5	6.0	5.5	Đạt
70	NN25.04.0072	Mai Thị Thanh Oanh	26/08/1984	Thanh Hóa	6.5	4.5	7.0	7.0	6.5	Đạt
71	NN25.04.0073	Trần Đức Quyết	24/09/1986	Phú Thọ	6.5	4.5	6.0	7.0	6.0	Đạt
72	NN25.04.0075	Lê Văn Thành	24/01/1985	Thái Bình	5.5	6.0	7.5	5.0	6.0	Đạt
73	NN25.04.0077	Đoàn Chiến Trinh	06/01/1998	Nam Định	6.5	5.0	6.5	6.0	6.0	Đạt
74	NN25.04.0078	Huỳnh Thị Tuyết Trinh	04/11/1992	Quảng Nam	5.5	5.5	4.0	7.0	5.5	Đạt
75	NN25.04.0079	Lê Đức Tùng	08/10/1987	Hải Phòng	6.5	5.5	7.5	7.0	6.5	Đạt
76	NN25.04.0080	Nguyễn Xuân Tùng	10/07/1997	Hà Nội	7.0	7.5	6.0	8.0	7.0	Đạt
77	NN25.04.0081	Nguyễn Thị Kim Tuyến	10/09/1984	Hà Nội	5.0	6.0	6.5	5.0	5.5	Đạt
78	NN25.04.0083	Đỗ Thị Thanh Yên	07/12/1984	Ninh Bình	5.0	7.0	6.0	6.0	6.0	Đạt
79	NN25.04.0084	Vũ Song Hà	08/02/1977	Hà Nội	5.0	7.0	5.5	7.0	6.0	Đạt
80	NN25.04.0085	Trần Thu Huyền	01/11/1979	Hà Nội	5.5	5.0	7.5	5.0	6.0	Đạt

Hà Nội, Ngày 17 tháng 04 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HĐT - HIỆU TRƯỞNG
PHÓ CHỦ TỊCH HĐT - PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Đức Nhuận